TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 906/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 23-7-2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thái Văn Sơn;

2. Ông Huỳnh Văn Bé.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Kim An - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Không có.

Ngày 23 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 342/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2024 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 271/2024/QĐXX-ST ngày 03 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 339/2024/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Văn H, sinh năm 1974 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ E, ấp M, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ E, ấp M, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 11/3/2024 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, nguyên đơn ông Trần Văn H trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 27 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/6/1999. Thời gian đầu, vợ chồng ông chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do thiếu sự tin tưởng lẫn nhau, nghi ngờ, cuộc sống không còn hạnh phúc. Bà T thay đổi. Ông

và bà T sống ly thân đã lâu. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, ông yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị T.

Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên Trần Thị Cẩm T1, sinh ngày 30/9/2000 và Trần Quốc H1, sinh ngày 12/01/2003. Hai con chung đã thành niên.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

Theo bản tự khai ngày 10/5/2024 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà và ông H tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn năm 1999 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu vợ chồng bà chung sống hạnh phúc về sau thì phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng bà thường cãi nhau, bất đồng quan điểm sống làm cho cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Mâu thuẫn giữa vợ chồng xảy ra từ năm 2017 sau khi mua xe ô tô, ông H chạy xe, không còn tiếng nói chung trong gia đình. Ông H yêu cầu ly hôn bà đồng ý nhưng tâm lý chưa chuẩn bị bà yêu cầu Tòa án cho bà thời gian sau ngày 02/6/2024 đợi đến khi con bà lập gia đình xong bà sẽ ký các thủ tục giải quyết việc ly hôn.

Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên Trần Thị Cẩm T1, sinh ngày 30/9/2000 và Trần Quốc H1, sinh ngày 12/01/2003. Hai con chung đã thành niên.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Ông Trần Văn H yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Củ Chi giải quyết cho ông ly hôn với bà Nguyễn Thị T hiện đang cư trú tại tổ E, ấp M, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bà Nguyễn Thị T đã được Tòa án tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà T vẫn vắng mặt không lý do. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 27 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/6/1999.

Xét lời trình bày của ông H thì sau kết hôn giữa ông và bà T đã có nhiều khác biệt về cách sống và quan điểm sống. Thời gian đầu vợ chồng ông chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do thiếu sự tin tưởng lẫn nhau, nghi ngờ, cuộc sống không còn hạnh phúc. Bà T thay đổi. Ông và bà T sống ly thân đã lâu. Ông xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông ly hôn với bà Nguyễn Thị T.

Ông H và bà T hòa giải tại Tòa án không thành. Bà T đã được Tòa án triệu tập nhưng bà không đến tòa. Cả hai bất đồng quan điểm. Hai bên không còn quan tâm, chăm sóc, yêu thương nhau. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa ông H và bà T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nghĩ nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông H đối với bà T là có cơ sở.

[4] Về con chung: Ông H và bà T có 02 (hai) con chung tên Trần Thị Cẩm T1, sinh ngày 30/9/2000 và Trần Quốc H1, sinh ngày 12/01/2003. Hai con chung đã thành niên.

[5] Về tài sản chung: Ông H trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nghĩa vụ dân sự chung: Ông H trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bà Nguyễn Thị T vắng mặt tại phiên tòa. Nếu bà T có tranh chấp về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung thì sẽ giải quyết ở vụ án khác.

[7] Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Trần Văn H phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu của ông Trần Văn H là được ly hôn với bà Nguyễn Thị T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 27 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/6/1999 không còn giá trị pháp lý.

[2] Về con chung:

Ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị T có 02 (hai) con chung tên Trần Thị Cẩm T1, sinh ngày 30/9/2000 và Trần Quốc H1, sinh ngày 12/01/2003. Hai con chung đã thành niên.

[3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

[5] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) ông Trần Văn H phải chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2023/0019640 ngày 03/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi.

[6] Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- UBND xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồng Thủy